TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2022/KDTM-ST Ngày 15-11-2022 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Chính

2. Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty T)

Trụ sở: Số TT7-A24 Khu đô thị V – Y, phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thanh T – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền cho Công ty T: Ông Vũ Trọng H, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn L PM (sau đây viết tắt là Công ty L)

Trụ sở: Số 125/109 T, quận K, thành phố Hải Phòng

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T – Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/11/2018 Công ty T và Công ty L ký Hợp đồng kinh tế số 1711/HĐKT/2018-TT/LC với nội dung: Công ty T bán cho Công ty L các chất phụ gia là PEWAX và Kẽm stearate với tổng số tiền là 94.499.075đ (chín mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng). Đại diện Công ty T là ông Phan Văn T – Giám đốc ký, đại diện Công ty L là ông Cao Thanh T – Giám đốc ký. Thời hạn thanh toán trong hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa hợp lệ. Thực hiện hợp đồng, ngày 16/11/2018 Công ty T đã giao hàng đầy đủ, đúng chất lượng cho Công ty L, đại diện Công ty L là ông Cao Thanh T đã ký xác nhận.

Sau khi nhận đủ hàng hóa theo Hợp đồng, Công ty L đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán tiền hàng cho Công ty T như thỏa thuận trong Điều 4 của Hợp đồng. Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty L thanh toán tiền hàng cho Công ty T, đến ngày 29/10/2020 Công ty L thanh toán cho Công ty T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), ngày 01/12/2020 Công ty L thanh toán cho Công ty T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Như vậy, tính đến hết ngày 01/12/2020 Công ty L nợ Công ty T số tiền gốc là 84.499.075đ.

Do Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty T làm đơn khởi kiện Công ty L tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, đề nghị Tòa án buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc là 84.499.075đ và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng đại diện Công ty L không đến Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn về cơ bản thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện VKSND quận K đề nghị: Căn cứ các vào Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 357, 401, 430, 434, 468 Bộ luật Dân sự; căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc là 84.499.075đ và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật và buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Việt Nam có đơn khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn L PM tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng,

theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty L PM là bị đơn. Công ty L có trụ sở tại số 25/109 T, quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp giữa hai pháp nhân, đều có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận, có đủ tư cách pháp nhân và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai công ty với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty L. Đại diện Công ty T đã được Tòa án triệu tập lần 2 nhưng đại diện công ty vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là Công ty T Việt Nam.

[3] Về hợp đồng mua bán hàng hóa: Công ty T và Công ty L ký Hợp đồng kinh tế số 1711/HĐKT/2018-TT/LC với nội dung: Công ty T bán cho Công ty L các chất phụ gia với tổng số tiền là 94.499.075đ (chín mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng). Đại diện Công ty T là ông Phan Văn T – Giám đốc ký, đại diện Công ty L là ông Cao Thanh T – Giám đốc ký. Như vậy hợp đồng nêu trên giữa hai công ty ký kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 118; 119; 137 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc: Lời khai của đại diện cho nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Thực hiện hợp đồng, ngày 16/11/2018 Công ty T đã giao hàng đầy đủ, đúng chất lượng cho Công ty L, đại diện Công ty L là ông Đặng Văn Quyến đã ký xác nhận. Như vậy, Công ty T đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận, được Công ty L xác nhận theo Phiếu giao hàng ngày 16/11/2018. Căn cứ vào Phiếu giao hàng đã xác định số tiền mà Công ty L phải thanh toán cho Công ty T là 94.513.500đ (chín mươi bốn triệu, năm trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng), số tiền này cao hơn số tiền các bên xác định trong hợp đồng kinh tế đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng kinh tế đã ký giữa hai bên thì trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày 16/11/2018 Công ty L phải thanh toán cho Công ty T số tiền là 94.513.500đ. Ngày 29/10/2020 Công ty L thanh toán cho Công ty T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), ngày 01/12/2020 Công ty L thanh toán cho Công ty T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), tổng số tiền hàng mà Công ty L thanh toán cho Công ty T là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty T xác định số tiền hàng mà Công ty L phải thanh toán là 94.499.075đ theo Hợp đồng kinh tế, thấp hơn số tiền xác định theo Phiếu giao

hàng ngày 16/11/2018 là có lợi cho Công ty L. Tính đến hết ngày 01/12/2020 Công ty L còn nợ Công ty T số tiền là 94.499.075đ-10.000.000đ = 84.499.075đ (tám mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng). Như vậy, việc Công ty T đề nghị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng buộc Công ty L phải thanh toán số tiền nợ gốc là 84.499.075đ cho Công ty T là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ lãi: Theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 1711/HĐKT/2018-TT/LC đã ký giữa các bên thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hàng, Công ty L phải thanh toán cho Công ty T số tiền hàng theo thỏa thuận. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 16/11/2018 là ngày Công ty Tuân Tsuki giao hàng cho Công ty L thì trong thời hạn từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 Công ty L phải thanh toán toàn bộ số tiền hàng là 94.499.075đ cho Công ty T, tuy nhiên Công ty L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty T theo thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 09 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao thì Công ty L phải trả cho Công ty T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất 03 ngân hàng tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó yêu cầu của Công ty T về việc buộc Công ty L phải thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty T là có căn cứ. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân quận K đã nhận được văn bản thông báo về lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh K-Đông Hải Phòng với mức lãi suất vay ngắn hạn là 10% đến 11% năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương chi nhánh Hải Phòng với mức lãi suất vay từ 9 đến 9,5% năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương chi nhánh Hải Phòng với mức lãi suất vay là 9,5% đến 10,7% năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Hội đồng xét xử quyết định lấy mức quá hạn thấp nhất của 03 ngân hàng để làm căn cứ tính lãi suất nợ quá hạn, mức lãi suất quá hạn thấp nhất của 03 ngân hàng lần lượt là 15% (10 x 150%); 13,5% (9x150%) và 14,25% (9,5x150%). Do đó lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là 14,25%/ năm tương ứng với 1,1875% tháng và 0,03958% /ngày. Ngày 29/10/2020 Công ty L mới thanh toán cho Công ty T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), do vậy kể từ ngày 30/10/2020 Công ty L còn nợ Công ty T số tiền gốc là 89.499.075đ; ngày 01/12/2020 Công ty L thanh toán cho Công ty T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), như vậy kể từ ngày 02/12/2020 Công ty T còn nợ Công ty L số tiền gốc là 84.499.075đ. Theo mức lãi suất và số tiền nợ gốc nêu trên thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty L phải thanh toán cho Công ty T số tiền lãi là: (94.499.075đ x 23 tháng x 1,1875% + 94.8.499.075đ x 5 ngày x 0,03958%) + (89.499.075đ x 1 tháng x 1,1875% + 89.499.075đ x 2 ngày x 0,03958%) + (84.499.075đ x 23 tháng x 1,1875% + 84.499.075đ x 15 ngày x 0,03958%) = (25.997.072đ) + (1.133.648đ) + (23.580.480đ) = 50.711.200đ (năm mươi triệu, bảy trăm mười một nghìn, hai trăm đồng). Như vậy cần buộc Công ty

L phải trả cho Công ty T số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 50.711.200đ (năm mươi triệu, bảy trăm mười một nghìn, hai trăm đồng).

[6] Về tiền lãi chậm thi hành án: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là Công ty L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 233, Điều 235, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 157, Điều 401, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại; áp dụng án lệ số 09 ngày 17 tháng 10 năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Việt Nam, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L PM phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Việt Nam số tiền là 135.210.275 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm mười nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 84.499.075đđ, số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 50.711.200đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án là Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Phát triển Bạch Đằng 15 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L PM phải chịu 6.760.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Việt Nam số tiền 2.717.000đ (hai triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003681 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T Việt Nam, Công ty Trách nhiệm hữu hạn L PM có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông